

Đơn vị: Chi cục An toàn thực phẩm Ninh Bình
 Chương: 423

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 08 tháng 4 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	154.000.000	5.700.000	4	34
1	Lệ phí				
2	Phí	154.000.000	5.700.000	4	34
	Phí An toàn thực phẩm	154.000.000	5.700.000	4	34
II	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	154.000.000	5.700.000	4	34
1	Lệ phí				
2	Phí	154.000.000	5.700.000	4	34
	Phí An toàn thực phẩm	154.000.000	5.700.000	4	34
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.705.000.000	399.687.200	6	124
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.705.000.000	399.687.200	6	124
1	Chi quản lý hành chính	3.132.000.000	262.358.800	8	110
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.741.000.000	261.866.200	10	110
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	391.000.000	492.600	0	33
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.703.000.000	137.328.400	5	164
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.703.000.000	137.328.400	5	164
3	Chi hoạt động kinh tế	858.000.000			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	858.000.000			
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	12.000.000			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.000.000			

Ngày 08... tháng 4... năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đoàn Ngọc Quý